

Bản án số: 230/2023/DS-PT

Ngày 14/12/2023

“Tranh chấp hợp đồng gia công”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng gia công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 254/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Cao Văn N, sinh năm 1966.

2. Bà Cao Thị Bích T, sinh năm 1990 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thanh B, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Cao Văn N và Lê Thanh B ủy quyền cho bà Cao Thị Bích T tham gia phiên tòa phúc thẩm.

- **Người kháng cáo:** Ông Cao Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Nguyên vào ngày 15/02/2022 âm lịch, ông có thỏa thuận mua bán lúa với ông Cao Văn N và bà Cao Thị Bích T, lúa Đài Thơm với giá 6.000 đồng/ 01 ký, số lượng là 40 công, ông N 25 công và bà T 15 công. Việc thỏa thuận chỉ bằng miệng, không có lập giấy tờ. Ông có đặt tiền cọc lúa cho ông N 7.000.000 đồng và đặt cọc tiền lúa cho bà T là 4.000.000 đồng, khi giao tiền đặt cọc thì ông có ghi sổ của ông để tự theo dõi. Thỏa thuận là ông sẽ kêu máy cắt vào cắt lúa cho ông N và bà T với giá mỗi công cắt là 320.000 đồng, nay gia đình ông N, bà T nói giá cắt mỗi công 300.000 đồng thì ông cũng đồng ý.

Đến ngày 24/02/2022 âm lịch, máy xuống cắt lúa cho ông N và bà T chung một miếng đất được tổng cộng 23 công ruộng. Phần đất của ông N là 18 công thì ông đã cân lúa và thanh toán đủ số tiền cho ông N và ông N có trả lại cho ông số tiền cọc lúa là 6.000.000 đồng, ông N còn thiếu ông lại 1.000.000 đồng, số tiền này ông N đưa lại cho bà T, như vậy bà Thu n số tiền cọc lúa của ông là 5.000.000 đồng. Nhưng ông N vẫn chưa trả cho ông tiền công cắt lúa với số tiền 18 công x 300.000 đồng = 5.400.000 đồng và bà T chưa trả tiền công máy cắt 05 công x 300.000 đồng = 1.500.000 đồng.

Đối với bà T con của ông N, ông và bà T còn thỏa thuận kêu máy cắt cho bà T miếng ruộng khác, vào ngày 28/02/2022 đưa máy lên cắt nhưng khi vì lúa còn xanh nên ông và bà T thống nhất ngày mùng 5/3/2022 âm lịch đưa máy lên cắt lúa. Đến ngày 05/3/2022 âm lịch là ông điều máy cắt đến ruộng bà T cắt lúa nhưng vì đất lún nên máy không cắt lúa cho bà T được. Sau đó ông và bà T hẹn một, hai ngày nữa sẽ cắt nhưng đến ngày 07/3/2022 thì bà T không cho máy vào ruộng cắt lúa mà nói đã bán lúa cho người khác rồi. Đối với số tiền công cắt 05 công bà T còn nợ ông đến nay vẫn chưa thanh toán.

Tại phiên tòa phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn C yêu cầu: Ông Cao Văn N phải trả cho ông số tiền công cắt lúa của 18 công, mỗi công giá 300.000 đồng, số tiền là 5.400.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng). Đối với bà Cao Thị Bích T vì quá trình cắt lúa có trục trặc nên ông rút lại toàn bộ yêu cầu bà T trả tiền đặt cọc mua lúa mà chỉ yêu cầu bà T trả cho ông số tiền công cắt lúa 05 công, mỗi công 300.000 đồng, số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Cao Văn N trình bày:

Số đất ruộng của ông chỉ có 18 công đất, ông nhận tiền đặt cọc của ông C chỉ có 6.000.000 đồng, mỗi công đặt cọc 300.000 đồng. Ông không có nhận số tiền cọc 7.000.000 đồng rồi đưa lại cho con ông là T 1.000.000 đồng như ông C trình bày, T con của ông nhận tiền đặt cọc riêng của ông C. Khi nhận tiền đặt cọc đã thỏa thuận giá công cắt một công là 300.000 đồng, đến ngày thì ông C đưa máy lên cắt lúa, không có việc thỏa thuận lại giá công cắt mỗi công 320.000 đồng. Miếng đất ông làm ruộng đến 23 công trong đó đất của ông là 18 công, đất của T là 05 công. Ông C đã đưa máy lên cắt hết 23 công. Cân lúa xong thì vợ ông là bà B có

trả tiền cho ông C gồm tiền đặt cọc 6.000.000 đồng và đưa cho ông C tiền công cắt 6.000.000 đồng do ông C có cắt lúa một phần cho T rồi, nên khi nào cắt lúa xong cho T thì tính trừ phần dư, bà trả tiền cho ông C không có làm biên nhận gì hết vì từ trước đến nay thì ai cũng trả tiền như vậy.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Cao Thị Bích T trình bày:

Ông C có cắt lúa cho bà O công chung với miếng đất của cha bà là ông N. Bà chưa có trả tiền công cho ông C bởi vì còn cắt miếng đất ruộng khác rồi thanh toán luôn. Sau đó, ông C đưa máy lên cắt miếng ruộng khác được 13 bao lúa thì rút máy về, cho rằng ruộng nước nhiều quá không có chỗ để bao lúa, kêu bà liên hệ với ông C đưa xuống thêm một máy cắt nữa để cắt hai đầu cho mau, lúc đó còn tình hình dịch bệnh nên không có máy. Bà đến nhà ông C trao đổi thì ông C nói là bỏ tiền đặt cọc và tiền công cắt hết, bà muốn bán lúa cho ai thì bán. Do ông C thực hiện không đúng thỏa thuận nên bà không đồng ý trả tiền công cắt 05 công ruộng cho ông C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh B trình bày:

Gia đình bà làm 18 công ruộng, con bà tên T làm chung 05 công, mẫu đất 23 công ruộng, sau khi cắt lúa xong thì bà có trả tiền cọc cho ông C là 6.000.000 đồng, trả tiền cắt lúa 18 công giá mỗi công là 300.000 đồng đáng lẽ chỉ trả 5.400.000 đồng nhưng do ông C đã kêu máy cắt cho con bà O công chung mẫu với bà rồi nên ông C kêu trả luôn phần con bà, do T còn miếng đất khác chưa cắt nên bà đưa chẵn 6.000.000 đồng để nữa cắt lúa cho T xong sẽ tính toán cân trừ tiền. Trả tiền cho ông C tại nhà bà chỉ có bà, T và ông C, vào ngày 26/02/2022 âm lịch, khi trả tiền thì không có làm giấy tờ vì trước giờ vẫn làm vậy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 26/5/2023, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc yêu cầu ông Cao Văn N trả số tiền công cắt lúa.

Buộc ông Cao Văn N trả cho ông Phạm Văn C số tiền công cắt của 18 công ruộng là 5.400.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Phạm Văn C về yêu cầu bà Cao Thị Bích T trả số tiền đặt cọc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).”

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/6/2023, ông Cao Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, ông Cao Văn N giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn N giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phạm Văn C và ông Cao Văn N đều thống nhất thừa nhận: Vào tháng 02/2022 âm lịch, ông C có đưa máy cắt lúa cho ông N 18 công ruộng với giá là 300.000 đồng/01 công, đây là tình tiết sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông N kháng cáo cho rằng vợ ông là bà Lê Thanh B đã trả cho ông C tiền công cắt lúa rồi, phía ông C không xác nhận có nhận tiền công cắt lúa từ bà B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*”, tuy nhiên ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc đã thanh toán xong tiền công cắt lúa cho ông C. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử buộc ông N có nghĩa vụ thanh toán cho ông C số tiền 5.400.000 đồng là có cơ sở, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N về nội dung này.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Cao Văn N. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Văn N phải chịu án phí với số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 544 và Điều 547 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm 51/2023/DS-ST ngày 26/5/2023, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc yêu cầu ông Cao Văn N trả tiền công cắt lúa:

Buộc ông Cao Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn C số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Phạm Văn C về việc buộc bà Cao Thị Bích T trả tiền đặt cọc là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn C không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 377.000 đồng (ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006389 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

Ông Cao Văn N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Cao Văn N phải chịu với số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009268 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND thị xã Ngã Năm;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phạm Quang N1

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phạm Quang N1

